

Số: /CTLAN-TTHT  
V/v một số điểm lưu ý khi  
quyết toán thuế năm 2024

Long An, ngày tháng năm

Kính gửi: Các Doanh nghiệp Cục Thuế quản lý.

Căn cứ Luật Quản lý thuế và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật Quản lý thuế; căn cứ các Nghị định, Thông tư hướng dẫn về chính sách thuế đang được áp dụng. Cục Thuế tỉnh Long An hướng dẫn một số nội dung lưu ý khi thực hiện quyết toán thuế TNDN, TNCN năm 2024 như sau:

### I. Thuế Thu nhập doanh nghiệp

#### Văn bản pháp luật liên quan đến việc quyết toán thuế TNDN:

- + Nghị định số 126/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ.
- + Nghị định số 132/2020/NĐ-CP ngày 05/11/2020 của Chính phủ.
- + Nghị định số 91/2022/NĐ-CP ngày 30/10/2022 của Chính phủ.
- + Nghị định số 20/2025/NĐ-CP ngày 10/02/2025 của Chính phủ.
- + Thông tư số 78/2014/TT-BTC ngày 18/6/2014 của Bộ Tài chính.
- + Thông tư số 119/2014/TT-BTC ngày 25/8/2014 của Bộ Tài chính.
- + Thông tư số 151/2014/TT-BTC ngày 10/10/2014 của Bộ Tài chính.
- + Thông tư số 83/2016/TT-BTC ngày 17/6/2016 của Bộ Tài chính.
- + Thông tư số 96/2015/TT-BTC ngày 22/6/2015 của Bộ Tài chính.
- + Thông tư số 21/2016/TT-BTC ngày 05/02/2016 của Bộ Tài chính.
- + Thông tư số 12/2016/TTLT-BKHHCN-BTC ngày 28/6/2016 liên Bộ Khoa học và Công nghệ - Bộ Tài chính.
- + Thông tư số 05/2022/TT-BKHHCN ngày 31/5/2022 của Bộ Khoa học và Công nghệ.
- + Thông tư số 67/2022/TT-BTC ngày 7/11/2022 của Bộ Tài chính.
- + Thông tư số 130/2016/TT-BTC ngày 12/8/2016 của Bộ Tài chính.
- + Thông tư số 25/2018/TT-BTC ngày 16/3/2018 của Bộ Tài chính.
- + Thông tư số 48/2019/TT-BTC ngày 08/8/2019 của Bộ Tài chính.
- + Thông tư số 80/2021/TT-BTC ngày 29/9/2021 của Bộ Tài chính

## **1. Quyết toán thuế TNDN**

### **1.1. Khai quyết toán thuế TNDN**

Khai quyết toán thuế TNDN bao gồm: Khai quyết toán thuế thu nhập doanh nghiệp năm và quyết toán đến thời điểm giải thể, phá sản, chấm dứt hoạt động, chấm dứt hợp đồng hoặc tổ chức lại doanh nghiệp.

Doanh nghiệp phải tự xác định số thuế thu nhập doanh nghiệp tạm nộp quý (bao gồm cả tạm phân bổ số thuế thu nhập doanh nghiệp cho địa bàn cấp tỉnh nơi có đơn vị phụ thuộc, địa điểm kinh doanh, nơi có bất động sản chuyển nhượng khác với nơi người nộp thuế đóng trụ sở chính) và được trừ số thuế đã tạm nộp với số phải nộp theo quyết toán thuế năm.

Doanh nghiệp thuộc diện lập báo cáo tài chính quý theo quy định của pháp luật về kế toán căn cứ vào báo cáo tài chính quý và các quy định của pháp luật về thuế để xác định số thuế thu nhập doanh nghiệp tạm nộp quý.

Doanh nghiệp không thuộc diện lập báo cáo tài chính quý theo quy định của pháp luật về kế toán căn cứ vào kết quả sản xuất, kinh doanh quý và các quy định của pháp luật về thuế để xác định số thuế thu nhập doanh nghiệp tạm nộp quý.

Trường hợp doanh nghiệp có đơn vị phụ thuộc, địa điểm kinh doanh có thu nhập được hưởng ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp thì khai thuế TNDN tại cơ quan thuế nơi có hoạt động kinh doanh khác tỉnh, thành phố nơi có trụ sở chính.

#### **Lưu ý:**

Tổng số thuế thu nhập doanh nghiệp đã tạm nộp của 04 quý không được thấp hơn 80% số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp theo quyết toán năm. Trường hợp người nộp thuế nộp thiếu so với số thuế phải tạm nộp 04 quý thì phải nộp tiền chậm nộp tính trên số thuế nộp thiếu kể từ ngày tiếp sau ngày cuối cùng của thời hạn tạm nộp thuế thu nhập doanh nghiệp quý 04 đến ngày liền kề trước ngày nộp số thuế còn thiếu vào ngân sách nhà nước theo quy định khoản 3 Điều 1 Nghị định số 91/2022/NĐ-CP ngày 30/10/2022 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 126/2020/NĐ-CP ngày 19 tháng 10 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý thuế.

Doanh nghiệp lập và gửi hồ sơ khai quyết toán thuế TNDN năm 2024 chậm nhất là ngày cuối cùng của tháng thứ 3 kể từ ngày kết thúc năm dương lịch hoặc năm tài chính cho cơ quan thuế quản lý trực tiếp.

### **1.2. Hồ sơ khai quyết toán thuế TNDN**

- Tờ khai quyết toán thuế thu nhập doanh nghiệp theo mẫu số 03/TNDN ban hành kèm theo Thông tư số 80/2021/TT-BTC ngày 29/9/2021 của Bộ Tài chính.

- Báo cáo tài chính năm hoặc Báo cáo tài chính đến thời điểm chấm dứt hoạt động hoặc chuyển đổi loại hình doanh nghiệp hoặc tổ chức lại doanh nghiệp theo

quy định của pháp luật về kế toán và pháp luật về kiểm toán độc lập (trừ trường hợp không phải lập báo cáo tài chính theo quy định).

- Một hoặc một số phụ lục kèm theo tờ khai ban hành kèm theo Thông tư số 80/2021/TT-BTC (tuỳ theo thực tế phát sinh của người nộp thuế):

+ Phụ lục kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh theo mẫu số 03- 1A/TNDN, mẫu số 03-1B/TNDN, mẫu số 03-1C/TNDN.

+ Phụ lục chuyển lỗ theo mẫu số 03-2/TNDN.

+ Các Phụ lục về ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp theo mẫu số 03-3A/TNDN; mẫu số 03-3B/TNDN; mẫu số 03-3C/TNDN; mẫu số 03-3D/TNDN.

+ Phụ lục số thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp ở nước ngoài theo mẫu số 03-4/TNDN.

+ Phụ lục thuế thu nhập doanh nghiệp đối với hoạt động chuyển nhượng bất động sản theo mẫu số 03-5/TNDN.

+ Phụ lục báo cáo trích lập, sử dụng quỹ khoa học và công nghệ theo mẫu số 03-6/TNDN.

+ Phụ lục bảng phân bổ số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp đối với cơ sở sản xuất theo mẫu số 03-8/TNDN.

+ Phụ lục bảng phân bổ số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp đối với hoạt động chuyển nhượng bất động sản theo mẫu số 03-8A/TNDN.

+ Phụ lục bảng phân bổ số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp đối với hoạt động sản xuất thủy điện theo mẫu số 03-8B/TNDN.

+ Phụ lục bảng phân bổ số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp đối với hoạt động kinh doanh xổ số điện toán theo mẫu số 03-8C/TNDN.

+ Phụ lục bảng kê chứng từ nộp tiền thuế thu nhập doanh nghiệp tạm nộp của hoạt động chuyển nhượng bất động sản thu tiền theo tiến độ chưa bàn giao trong năm theo mẫu số 03-9/TNDN.

Trường hợp doanh nghiệp có dự án đầu tư ở nước ngoài, ngoài các hồ sơ nêu trên, doanh nghiệp phải bổ sung các hồ sơ, tài liệu theo hướng dẫn của Bộ Tài chính về thuế thu nhập doanh nghiệp.

**1.3. Người nộp thuế là đối tượng áp dụng của Nghị định số 132/2020/NĐ-CP ngày 05/11/2020 của Chính phủ đã được sửa đổi, bổ sung một số điều tại Nghị định số 20/2025/NĐ-CP ngày 10/02/2025 của Chính phủ thực hiện kê khai các mẫu kèm theo tờ khai quyết toán thuế TNDN số 03/TNDN như sau:**

- Phụ lục I: Thông tin về quan hệ liên kết và giao dịch liên kết ban hành kèm theo Nghị định số 20/2025/NĐ-CP ngày 10/02/2025 của Chính phủ

- Phụ lục II: Danh mục các thông tin, tài liệu cần cung cấp tại hồ sơ quốc gia.

- Phụ lục III: Danh mục các thông tin, tài liệu cần cung cấp tại hồ sơ toàn cầu.

- Phụ lục IV: Kê khai thông tin báo cáo lợi nhuận liên quốc gia.

#### **1.4. Miễn kê khai, miễn lập hồ sơ xác định giá giao dịch liên kết**

- Doanh nghiệp được miễn kê khai xác định giá giao dịch liên kết tại mục III, mục IV Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định 132/2020/NĐ-CP; miễn lập Hồ sơ xác định giá giao dịch liên kết theo quy định tại Nghị định 132/2020/NĐ-CP trong trường hợp chỉ phát sinh giao dịch với các bên liên kết là đối tượng nộp thuế thu nhập doanh nghiệp tại Việt Nam, áp dụng cùng mức thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp với người nộp thuế và không bên nào được hưởng ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp trong kỳ tính thuế, nhưng phải kê khai căn cứ miễn trừ tại mục I, mục II tại Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định 132/2020/NĐ-CP.

- Người nộp thuế có trách nhiệm kê khai xác định giá giao dịch liên kết theo Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định 132/2020/NĐ-CP nhưng được miễn lập Hồ sơ xác định giá giao dịch liên kết trong các trường hợp sau:

+ Người nộp thuế có phát sinh giao dịch liên kết nhưng tổng doanh thu phát sinh của kỳ tính thuế dưới 50 tỷ đồng và tổng giá trị tất cả các giao dịch liên kết phát sinh trong kỳ tính thuế dưới 30 tỷ đồng;

+ Người nộp thuế đã ký kết Thỏa thuận trước về phương pháp xác định giá tính thuế thực hiện nộp Báo cáo thường niên theo quy định pháp luật về Thỏa thuận trước về phương pháp xác định giá tính thuế. Các giao dịch liên kết không thuộc phạm vi áp dụng Thỏa thuận trước về phương pháp xác định giá tính thuế, người nộp thuế có trách nhiệm kê khai xác định giá giao dịch liên kết theo quy định tại Điều 18 Nghị định 132/2020/NĐ-CP;

+ Người nộp thuế thực hiện kinh doanh với chức năng đơn giản, không phát sinh doanh thu, chi phí từ hoạt động khai thác, sử dụng tài sản vô hình, có doanh thu dưới 200 tỷ đồng, áp dụng tỷ suất lợi nhuận thuần chưa trừ chi phí lãi vay và thuế thu nhập doanh nghiệp (không bao gồm chênh lệch doanh thu và chi phí của hoạt động tài chính) trên doanh thu thuần, bao gồm các lĩnh vực như sau:

Phân phối: Từ 5% trở lên;

Sản xuất: Từ 10% trở lên;

Gia công: Từ 15% trở lên.

Trường hợp người nộp thuế theo dõi, hạch toán riêng doanh thu, chi phí của từng lĩnh vực thì áp dụng tỷ suất lợi nhuận thuần chưa trừ chi phí lãi vay và thuế thu nhập doanh nghiệp trên doanh thu thuần tương ứng với từng lĩnh vực.

Trường hợp người nộp thuế theo dõi, hạch toán riêng được doanh thu nhưng không theo dõi, hạch toán riêng được chi phí phát sinh của từng lĩnh vực trong

hoạt động sản xuất, kinh doanh thì thực hiện phân bổ chi phí theo tỷ lệ doanh thu của từng lĩnh vực để áp dụng tỷ suất lợi nhuận thuần chưa trừ chi phí lãi vay và thuế thu nhập doanh nghiệp trên doanh thu thuần tương ứng với từng lĩnh vực.

Trường hợp người nộp thuế không theo dõi, hạch toán riêng được doanh thu và chi phí của từng lĩnh vực hoạt động sản xuất, kinh doanh để xác định tỷ suất lợi nhuận thuần chưa trừ chi phí lãi vay và thuế thu nhập doanh nghiệp tương ứng với từng lĩnh vực thì áp dụng tỷ suất lợi nhuận thuần chưa trừ chi phí lãi vay và thuế thu nhập doanh nghiệp trên doanh thu thuần của lĩnh vực có tỷ suất cao nhất.

Trường hợp người nộp thuế không áp dụng theo mức tỷ suất lợi nhuận thuần quy định tại điểm này thì phải lập Hồ sơ xác định giá giao dịch liên kết theo quy định.

### **1.5. Xác định chi phí để tính thuế đối với doanh nghiệp có giao dịch liên kết**

- Chi phí của giao dịch liên kết không phù hợp bản chất giao dịch độc lập hoặc không góp phần tạo ra doanh thu, thu nhập cho hoạt động sản xuất, kinh doanh của người nộp thuế không được tính vào chi phí được trừ khi xác định thu nhập chịu thuế thu nhập doanh nghiệp trong kỳ.

- Chi phí dịch vụ không được trừ khi xác định thu nhập chịu thuế bao gồm: Chi phí phát sinh từ các dịch vụ được cung cấp chỉ nhằm mục đích phục vụ lợi ích hoặc tạo giá trị cho các bên liên kết khác; dịch vụ phục vụ lợi ích cổ đông của bên liên kết; dịch vụ tính phí trùng lặp do nhiều bên liên kết cung cấp cho cùng một loại dịch vụ, không xác định được giá trị gia tăng cho người nộp thuế; dịch vụ về bản chất là các lợi ích người nộp thuế nhận được do là thành viên của một tập đoàn và chi phí mà bên liên kết cộng thêm đối với dịch vụ do bên thứ ba cung cấp thông qua trung gian bên liên kết không đóng góp thêm giá trị cho dịch vụ.

- Tổng chi phí lãi vay phát sinh sau khi trừ lãi tiền gửi và lãi cho vay phát sinh trong kỳ (không phân biệt chi phí lãi vay phát sinh giao dịch vay với bên liên kết hay bên độc lập) của người nộp thuế được trừ khi xác định thu nhập chịu thuế thu nhập doanh nghiệp không vượt quá 30% của tổng lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh trong kỳ cộng với chi phí lãi vay sau khi trừ lãi tiền gửi và lãi cho vay phát sinh trong kỳ cộng chi phí khấu hao trong kỳ của người nộp thuế.

Phần chi phí lãi vay không được trừ theo quy định tại điểm a Khoản 3 Điều 16 Nghị định số 132/2020/NĐ-CP được chuyển sang kỳ tính thuế tiếp theo khi xác định tổng chi phí lãi vay được trừ trong trường hợp tổng chi phí lãi vay phát sinh được trừ của kỳ tính thuế tiếp theo thấp hơn mức quy định tại điểm a khoản 3 Điều 16 Nghị định số 132/2020/NĐ-CP. Thời gian chuyển chi phí lãi vay tính liên tục không quá 05 năm kể từ năm tiếp sau năm phát sinh chi phí lãi vay không được trừ.

## **1.6. Về trích lập khoản dự phòng**

Doanh nghiệp trích lập các khoản dự phòng theo quy định tại Thông tư số 48/2019/TT ngày 08/8/2019 của Bộ Tài chính được sửa đổi bổ sung Thông tư số 24/2022/TT-BTC ngày 07/4/2022 của Bộ Tài chính hướng dẫn trích lập và xử lý các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ, công trình xây dựng tại doanh nghiệp.

## **1.7. Thời hạn nộp hồ sơ quyết toán**

Thời hạn nộp hồ sơ quyết toán năm chậm nhất là ngày cuối cùng của tháng thứ 3 kể từ ngày kết thúc năm dương lịch hoặc năm tài chính.

## **1.8. Nơi nộp hồ sơ quyết toán**

Các doanh nghiệp lập và gửi hồ sơ khai quyết toán thuế TNDN năm 2024 cho cơ quan thuế quản lý trực tiếp.

## **2. Về ưu đãi thuế TNDN**

### **2.1. Ưu đãi theo điều kiện địa bàn**

- Thu nhập của doanh nghiệp từ thực hiện dự án đầu tư mới tại các huyện thuộc địa bàn có điều kiện kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn (huyện Tân Hưng, Vĩnh Hưng, Mộc Hóa, Đức Huệ) được áp dụng thuế suất ưu đãi 10% trong thời hạn 15 năm; Miễn thuế 4 năm và giảm 50% số thuế phải nộp trong 9 năm tiếp theo (Khoản 1 Điều 11, Khoản 1 Điều 12 Thông tư số 96/2015/TT-BTC sửa đổi, bổ sung Khoản 1 Điều 19, Khoản 1 Điều 20 Thông tư số 78/2014/TT-BTC).

- Thu nhập của doanh nghiệp từ thực hiện dự án đầu tư mới tại các huyện, thị xã thuộc địa bàn có điều kiện kinh tế xã hội khó khăn (huyện Đức Hòa, Tân Thạnh, Thạnh Hóa và thị xã Kiến Tường) được áp dụng thuế suất ưu đãi 17% trong thời hạn 10 năm. Miễn thuế 2 năm, giảm 50% số thuế phải nộp trong 4 năm tiếp theo (Khoản 4 Điều 19 Thông tư số 78/2014/TT-BTC; Điều 6 Thông tư số 151/2014/TT-BTC sửa đổi, bổ sung Khoản 3 Điều 20 Thông tư số 78/2014/TT-BTC).

- Thu nhập của doanh nghiệp từ thực hiện dự án đầu tư mới tại Khu công nghiệp đóng trên địa bàn các huyện không thuộc địa bàn có điều kiện kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn và khó khăn (thành phố Tân An, các huyện Thủ Thừa, Bến Lức, Cần Giuộc, Cần Đước, Tân Trụ, Châu Thành) được miễn thuế 2 năm, giảm 50% số thuế phải nộp trong 4 năm tiếp theo; Không được hưởng ưu đãi về thuế suất, áp dụng thuế suất phổ thông (Điều 6 Thông tư số 151/2014/TT-BTC sửa đổi, bổ sung Khoản 3 Điều 20 Thông tư số 78/2014/TT-BTC).

## 2.2. Ưu đãi theo lĩnh vực, ngành nghề

Doanh nghiệp được hưởng ưu đãi thuế TNDN theo lĩnh vực, ngành nghề ưu đãi theo quy định tại Thông tư số 78/2014/TT-BTC và Thông tư số 96/2015/TT-BTC.

### II. Báo cáo tài chính

#### 1. Doanh nghiệp mở sổ sách kế toán theo quy định tại Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp của Bộ Tài chính.

Báo cáo tài chính năm của doanh nghiệp gồm các biểu mẫu sau:

- |  |                  |
|--|------------------|
| - Bảng cân đối kế toán                 | Mẫu số B 01 - DN |
| - Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh | Mẫu số B 02 - DN |
| - Báo cáo lưu chuyển tiền tệ           | Mẫu số B 03 - DN |
| - Bản thuyết minh Báo cáo tài chính    | Mẫu số B 09 - DN |

#### 2. Doanh nghiệp nhỏ và vừa mở sổ sách kế toán theo Thông tư số 133/2016/TT-BTC ngày 26/8/2016 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp nhỏ và vừa thực hiện các biểu mẫu sau:

\* Hệ thống báo cáo tài chính năm áp dụng cho các doanh nghiệp nhỏ và vừa đáp ứng giả định hoạt động liên tục bao gồm:

- |  |                   |
|--|-------------------|
| - Báo cáo bắt buộc:                    |                   |
| + Báo cáo tình hình tài chính          | Mẫu số B01a - DNN |
| + Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh | Mẫu số B02 - DNN  |
| + Bản thuyết minh Báo cáo tài chính    | Mẫu số B09 - DNN  |

Tùy theo đặc điểm hoạt động và yêu cầu quản lý, doanh nghiệp có thể lựa chọn lập Báo cáo tình hình tài chính theo Mẫu số B01b - DNN thay cho Mẫu số B01a - DNN.

Báo cáo tài chính gửi cho cơ quan thuế phải lập và gửi thêm Bảng cân đối tài khoản (Mẫu số F01 - DNN).

- |   |                  |
|---|------------------|
| - Báo cáo không bắt buộc mà khuyến khích lập: |                  |
| + Báo cáo lưu chuyển tiền tệ                  | Mẫu số B03 - DNN |

\* Hệ thống báo cáo tài chính năm áp dụng cho các doanh nghiệp nhỏ và vừa không đáp ứng giả định hoạt động liên tục bao gồm:

- |                               |                     |
|-------------------------------|---------------------|
| - Báo cáo bắt buộc:           |                     |
| + Báo cáo tình hình tài chính | Mẫu số B01 - DNNKLT |

- |   |                     |
|---|---------------------|
| + Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh        | Mẫu số B02 - DNN    |
| + Bản thuyết minh Báo cáo tài chính           | Mẫu số B09 - DNNKLT |
| - Báo cáo không bắt buộc mà khuyến khích lập: |                     |
| + Báo cáo lưu chuyển tiền tệ                  | Mẫu số B03 - DNN    |

\* Hệ thống báo cáo tài chính năm bắt buộc áp dụng cho các doanh nghiệp siêu nhỏ bao gồm:

- |  |                   |
|--|-------------------|
| - Báo cáo tình hình tài chính          | Mẫu số B01 - DNSN |
| - Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh | Mẫu số B02 - DNSN |
| - Bản thuyết minh Báo cáo tài chính    | Mẫu số B09 - DNSN |

Khi lập báo cáo tài chính, các doanh nghiệp phải tuân thủ biểu mẫu báo cáo tài chính theo quy định. Trong quá trình áp dụng, nếu thấy cần thiết, các doanh nghiệp có thể sửa đổi, bổ sung báo cáo tài chính cho phù hợp với từng lĩnh vực hoạt động và yêu cầu quản lý của doanh nghiệp nhưng phải được Bộ Tài chính chấp thuận bằng văn bản trước khi thực hiện.

### **3. Doanh nghiệp thuộc diện phải kiểm toán báo cáo tài chính**

Đối với các doanh nghiệp mà báo cáo tài chính phải được kiểm toán theo quy định tại Khoản 1, Khoản 2, Khoản 3 Điều 15 Nghị định số 17/2012/NĐ-CP ngày 13/3/2012 thì khi nộp báo cáo tài chính phải được kiểm toán theo quy định.

Bao gồm các doanh nghiệp sau:

- Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài;
- Tổ chức tín dụng được thành lập và hoạt động theo Luật các tổ chức tín dụng, bao gồm cả chi nhánh ngân hàng nước ngoài tại Việt Nam;
- Tổ chức tài chính, doanh nghiệp bảo hiểm, doanh nghiệp tái bảo hiểm, doanh nghiệp môi giới bảo hiểm, chi nhánh doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ nước ngoài.
- Công ty đại chúng, tổ chức phát hành và tổ chức kinh doanh chứng khoán.
- Các doanh nghiệp, tổ chức khác bắt buộc phải kiểm toán theo quy định của pháp luật có liên quan.
- Doanh nghiệp, tổ chức khác bao gồm:
  - + Doanh nghiệp nhà nước, trừ doanh nghiệp nhà nước hoạt động trong lĩnh vực thuộc bí mật nhà nước theo quy định của pháp luật phải được kiểm toán đối với báo cáo tài chính hàng năm;
  - + Doanh nghiệp, tổ chức thực hiện dự án quan trọng quốc gia, dự án nhóm A sử dụng vốn nhà nước, trừ các dự án trong lĩnh vực thuộc bí mật nhà nước theo



quy định của pháp luật phải được kiểm toán đối với báo cáo quyết toán dự án hoàn thành;

+ Doanh nghiệp, tổ chức mà các tập đoàn, tổng công ty nhà nước nắm giữ từ 20% quyền biểu quyết trở lên tại thời điểm cuối năm tài chính phải được kiểm toán đối với báo cáo tài chính hàng năm;

+ Doanh nghiệp mà các tổ chức niêm yết, tổ chức phát hành và tổ chức kinh doanh chứng khoán nắm giữ từ 20% quyền biểu quyết trở lên tại thời điểm cuối năm tài chính phải được kiểm toán đối với báo cáo tài chính hàng năm;

+ Doanh nghiệp kiểm toán, chi nhánh doanh nghiệp kiểm toán nước ngoài tại Việt Nam phải được kiểm toán đối với báo cáo tài chính hàng năm.

### **Cách nộp báo cáo tài chính phải kiểm toán:**

Tiếp nhận báo cáo tài chính đính kèm Báo cáo kiểm toán qua mạng:

- Người nộp thuế là đối tượng bắt buộc phải kiểm toán báo cáo tài chính, khi nộp hồ sơ khai quyết toán thuế TNDN thì được gửi bản scan Báo cáo kiểm toán qua mạng (scan báo cáo tài chính sau đó copy sang file word để gửi phụ lục đính kèm, dung lượng không quá 5 MB).

- Trường hợp quá thời hạn nộp hồ sơ khai thuế theo quy định, người nộp thuế mới nộp hồ sơ khai thuế thì bị xử phạt theo quy định tại Nghị định số 125/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ về hành vi vi phạm thời hạn nộp hồ sơ khai thuế.

### **III. Thuế Thu nhập cá nhân**

#### **Văn bản pháp luật liên quan đến việc quyết toán thuế TNCN:**

+ Thông tư số 111/2013/TT-BTC ngày 15/8/2013 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện Luật thuế TNCN, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thuế TNCN và Nghị định số 65/2013/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật thuế TNCN và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thuế TNCN.

+ Thông tư số 119/2014/TT-BTC ngày 25/8/2014 của Bộ Tài chính.

+ Thông tư số 151/2014/TT-BTC ngày 10/10/2014 của Bộ Tài chính.

+ Thông tư số 92/2015/TT-BTC ngày 15/6/2015 của Bộ Tài chính.

+ Thông tư số 25/2018/TT-BTC ngày 16/3/2018 của Bộ Tài chính.

+ Thông tư số 80/2021/TT-BTC ngày 29/9/2021 của Bộ Tài chính.

+ Nghị định số 126/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ.

## **1. Khai quyết toán thuế TNCN**

### **1.1. Đối với tổ chức, cá nhân trả thu nhập từ tiền lương, tiền công:**

Tổ chức, cá nhân trả thu nhập từ tiền lương, tiền công có trách nhiệm khai quyết toán thuế TNCN không phân biệt có phát sinh khấu trừ thuế hay không phát sinh khấu trừ thuế và quyết toán thuế TNCN thay cho cá nhân có ủy quyền. Trường hợp cá nhân ủy quyền quyết toán thuế TNCN cho tổ chức và có số thuế phải nộp thêm sau quyết toán từ 50.000 đồng trở xuống thuộc diện được miễn thuế thì tổ chức, cá nhân trả thu nhập vẫn kê khai thông tin cá nhân được trả thu nhập đó tại hồ sơ khai quyết toán thuế thu nhập cá nhân của tổ chức và không tổng hợp số thuế phải nộp thêm của các cá nhân có số thuế phải nộp thêm sau quyết toán từ 50.000 đồng trở xuống. Trường hợp tổ chức trả thu nhập đã quyết toán thuế TNCN trước thời điểm có hiệu lực của Nghị định số 126/2020/NĐ-CP thì không xử lý hồi tố.

Trường hợp cá nhân là người lao động được điều chuyển từ tổ chức cũ đến tổ chức mới do tổ chức cũ thực hiện sáp nhập, hợp nhất, chia, tách, chuyển đổi loại hình doanh nghiệp hoặc tổ chức cũ và tổ chức mới trong cùng một hệ thống thì tổ chức mới có trách nhiệm quyết toán thuế TNCN theo ủy quyền của cá nhân đối với cả phần thu nhập do tổ chức cũ chi trả và tổ chức trả thu nhập mới thu lại chứng từ khấu trừ thuế TNCN do tổ chức trả thu nhập cũ đã cấp cho người lao động (nếu có).

Trường hợp tổ chức, cá nhân trả thu nhập giải thể, phá sản, chấm dứt hoạt động, chấm dứt hợp đồng hoặc tổ chức lại doanh nghiệp thì phải khai quyết toán thuế TNCN đến thời điểm giải thể, phá sản, chấm dứt hoạt động, chấm dứt hợp đồng hoặc tổ chức lại doanh nghiệp. Trường hợp chuyển đổi loại hình doanh nghiệp (không bao gồm doanh nghiệp nhà nước cổ phần hóa) mà doanh nghiệp chuyển đổi kế thừa toàn bộ nghĩa vụ về thuế của doanh nghiệp được chuyển đổi thì không phải khai quyết toán thuế TNCN đến thời điểm có quyết định về việc chuyển đổi doanh nghiệp, doanh nghiệp khai quyết toán khi kết thúc năm.

- Hồ sơ khai quyết toán:

+ Tờ khai quyết toán thuế thu nhập cá nhân theo mẫu số 05/QTT-TNCN ban hành kèm theo Thông tư số 80/2021/TT-BTC.

+ Phụ lục bảng kê số 05-1/BK-QTT-TNCN; Phụ lục bảng kê số 05-2/BK-QTT-TNCN; Phụ lục bảng kê số 05-3/BK-QTT-TNCN ban hành kèm theo Thông tư số 80/2021/TT-BTC.

- Thời hạn nộp hồ sơ quyết toán:

Doanh nghiệp lập và gửi hồ sơ quyết toán thuế TNCN năm 2024 chậm nhất là ngày cuối cùng của tháng thứ 3 kể từ ngày kết thúc năm dương lịch.

## **1.2. Đối với cá nhân cư trú có thu nhập từ tiền lương, tiền công:**

Cá nhân cư trú có thu nhập từ tiền lương, tiền công từ hai nơi trở lên mà không đáp ứng điều kiện được ủy quyền quyết toán theo quy định thì phải trực tiếp khai quyết toán thuế TNCN với cơ quan thuế nếu có số thuế phải nộp thêm hoặc có số thuế nộp thừa đề nghị hoàn hoặc bù trừ vào kỳ khai thuế tiếp theo.

Cá nhân có mặt tại Việt Nam tính trong năm dương lịch đầu tiên dưới 183 ngày, nhưng tính trong 12 tháng liên tục kể từ ngày đầu tiên có mặt tại Việt Nam là từ 183 ngày trở lên thì năm quyết toán đầu tiên là 12 tháng liên tục kể từ ngày đầu tiên có mặt tại Việt Nam.

Cá nhân là người nước ngoài kết thúc hợp đồng làm việc tại Việt Nam khai quyết toán thuế với cơ quan thuế trước khi xuất cảnh. Trường hợp cá nhân chưa làm thủ tục quyết toán thuế với cơ quan thuế thì thực hiện ủy quyền cho tổ chức trả thu nhập hoặc tổ chức, cá nhân khác quyết toán thuế theo quy định về quyết toán thuế đối với cá nhân. Trường hợp tổ chức trả thu nhập hoặc tổ chức, cá nhân khác nhận ủy quyền quyết toán thì phải chịu trách nhiệm về số thuế TNCN phải nộp thêm hoặc được hoàn trả số thuế nộp thừa của cá nhân.

Cá nhân cư trú có thu nhập từ tiền lương, tiền công được trả từ nước ngoài và cá nhân cư trú có thu nhập từ tiền lương, tiền công được trả từ các tổ chức Quốc tế, Đại sứ quán, Lãnh sự quán chưa khấu trừ thuế trong năm thì cá nhân phải quyết toán trực tiếp với cơ quan thuế, nếu có số thuế phải nộp thêm hoặc có số thuế nộp thừa đề nghị hoàn hoặc bù trừ vào kỳ khai thuế tiếp theo.

Cá nhân cư trú có thu nhập từ tiền lương, tiền công đồng thời thuộc diện xét giảm thuế do thiên tai, hỏa hoạn, tai nạn, bệnh hiểm nghèo ảnh hưởng đến khả năng nộp thuế thì không ủy quyền cho tổ chức, cá nhân trả thu nhập quyết toán thuế thay mà phải trực tiếp khai quyết toán với cơ quan thuế theo quy định.

- Hồ sơ khai thuế của cá nhân khai trực tiếp với cơ quan thuế theo quy định như sau:

+ Mẫu số 02/QTT-TNCN: Tờ khai quyết toán thuế thu nhập cá nhân (áp dụng đối với cá nhân có thu nhập từ tiền lương, tiền công).

+ Bảng kê 02-1/BK-QTT-TNCN: Phụ lục bảng kê giảm trừ gia cảnh cho người phụ thuộc.

+ Bản sao các chứng từ chứng minh số thuế đã khấu trừ, đã tạm nộp trong năm, số thuế đã nộp ở nước ngoài (nếu có). Trường hợp tổ chức trả thu nhập không cấp chứng từ khấu trừ thuế cho cá nhân do tổ chức trả thu nhập đã chấm dứt hoạt động thì cơ quan thuế căn cứ cơ sở dữ liệu của ngành thuế để xem xét xử lý hồ sơ quyết toán thuế cho cá nhân mà không bắt buộc phải có chứng từ khấu trừ thuế.

+ Bản sao Giấy chứng nhận khấu trừ thuế (ghi rõ đã nộp thuế theo tờ khai thuế thu nhập nào) do cơ quan trả thu nhập cấp hoặc Bản sao chứng từ ngân hàng đối với số thuế đã nộp ở nước ngoài có xác nhận của người nộp thuế trong trường hợp theo quy định của luật pháp nước ngoài, cơ quan thuế nước ngoài không cấp giấy xác nhận số thuế đã nộp.

+ Bản sao các hóa đơn chứng từ chứng minh khoản đóng góp vào quỹ từ thiện, quỹ nhân đạo, quỹ khuyến học (nếu có)

+ Tài liệu chứng minh về số tiền đã trả của đơn vị, tổ chức trả thu nhập ở nước ngoài trong trường hợp cá nhân nhận thu nhập từ các tổ chức quốc tế, Đại sứ quán, Lãnh sự quán và nhận thu nhập từ nước ngoài.

+ Hồ sơ đăng ký người phụ thuộc quy định tại Phụ lục II danh mục mẫu biểu Ban hành kèm theo Thông tư số 80/2021/TT-BTC ngày 29/9/2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính (nếu tính giảm trừ cho người phụ thuộc tại thời điểm quyết toán thuế đối với người phụ thuộc chưa thực hiện đăng ký người phụ thuộc).

- Thời hạn nộp hồ sơ quyết toán thuế:

+ Đối với hồ sơ quyết toán thuế thu nhập cá nhân của cá nhân trực tiếp quyết toán thuế, chậm nhất là ngày cuối cùng của tháng thứ 4 kể từ ngày kết thúc năm dương lịch.

Trường hợp thời hạn nộp hồ sơ quyết toán thuế trùng với ngày nghỉ theo quy định thì thời hạn nộp hồ sơ quyết toán thuế là ngày làm việc tiếp theo. Trường hợp cá nhân có phát sinh hoàn thuế TNCN nhưng chậm nộp tờ khai quyết toán thuế theo quy định thì không áp dụng phạt đối với vi phạm hành chính khai quyết toán thuế quá thời hạn.

- Nơi nộp hồ sơ quyết toán thuế:

Địa điểm nộp hồ sơ khai thuế của cá nhân khai trực tiếp với cơ quan thuế được quy định như sau:

Đối với cá nhân trực tiếp khai quyết toán thuế:

+ Cá nhân cư trú có thu nhập tiền lương, tiền công tại một nơi và thuộc diện tự khai thuế trong năm thì nộp hồ sơ khai quyết toán thuế tại cơ quan thuế nơi cá nhân trực tiếp khai thuế trong năm theo quy định tại Điểm a khoản 8 Điều 11 Nghị định số 126/2020/NĐ-CP. Trường hợp cá nhân có thu nhập tiền lương, tiền công tại hai nơi trở lên bao gồm cả trường hợp vừa có thu nhập thuộc diện khai trực tiếp, vừa có thu nhập do tổ chức chi trả đã khấu trừ thì cá nhân nộp hồ sơ khai quyết toán thuế tại cơ quan thuế nơi có nguồn thu nhập lớn nhất trong năm. Trường hợp không xác định được nguồn thu nhập lớn nhất trong năm thì cá nhân tự lựa chọn nơi nộp hồ sơ quyết toán tại cơ quan thuế quản lý trực tiếp tổ chức chi trả hoặc nơi cá nhân cư trú.

+ Cá nhân cư trú có thu nhập tiền lương, tiền công thuộc diện tổ chức chi trả khấu trừ tại nguồn từ hai nơi trở lên thì nộp hồ sơ khai quyết toán thuế như sau:

++ Cá nhân đã tính giảm trừ gia cảnh cho bản thân tại tổ chức, cá nhân trả thu nhập nào thì nộp hồ sơ khai quyết toán thuế tại cơ quan thuế trực tiếp quản lý tổ chức, cá nhân trả thu nhập đó. Trường hợp cá nhân có thay đổi nơi làm việc và tại tổ chức, cá nhân trả thu nhập cuối cùng có tính giảm trừ gia cảnh cho bản thân thì nộp hồ sơ khai quyết toán thuế tại cơ quan thuế quản lý tổ chức, cá nhân trả thu nhập cuối cùng. Trường hợp cá nhân có thay đổi nơi làm việc và tại tổ chức, cá nhân trả thu nhập cuối cùng không tính giảm trừ gia cảnh cho bản thân thì nộp hồ sơ khai quyết toán thuế tại cơ quan thuế nơi cá nhân cư trú. Trường hợp cá nhân chưa tính giảm trừ gia cảnh cho bản thân ở bất cứ tổ chức, cá nhân trả thu nhập nào thì nộp hồ sơ khai quyết toán thuế tại cơ quan thuế nơi cá nhân cư trú.

++ Trường hợp cá nhân cư trú không ký hợp đồng lao động, hoặc ký hợp đồng lao động dưới 03 tháng, hoặc ký hợp đồng cung cấp dịch vụ có thu nhập tại một nơi hoặc nhiều nơi đã khấu trừ 10% thì nộp hồ sơ khai quyết toán thuế tại cơ quan thuế nơi cá nhân cư trú.

++ Cá nhân cư trú trong năm có thu nhập từ tiền lương, tiền công tại một nơi hoặc nhiều nơi nhưng tại thời điểm quyết toán không làm việc tại tổ chức, cá nhân trả thu nhập nào thì nơi nộp hồ sơ khai quyết toán thuế là cơ quan thuế nơi cá nhân cư trú.

### **1.3. Thực hiện hoàn thuế TNCN tự động đối với cá nhân trực tiếp quyết toán với cơ quan thuế.**

- NNT là cá nhân sử dụng ứng dụng eTax Mobile, ứng dụng Thuế điện tử dành cho cá nhân của Tổng cục Thuế để kiểm tra thông tin trên Tờ khai quyết toán thuế TNCN gợi ý do hệ thống ứng dụng CNTT của ngành Thuế tự động tạo lập.

+ Trường hợp NNT đồng ý với thông tin được gợi ý trên Tờ khai quyết toán thuế TNCN gợi ý, NNT xác nhận và nộp hồ sơ quyết toán theo quy định trên ứng dụng.

+ Trường hợp NNT không đồng ý với thông tin được gợi ý trên Tờ khai quyết toán thuế TNCN gợi ý, NNT sửa lại thông tin tại các chỉ tiêu tương ứng, bổ sung lý do chênh lệch với số cơ quan thuế gợi ý và nộp hồ sơ quyết toán kèm theo tài liệu chứng minh theo quy định.

- Phân hệ hoàn thuế TNCN sẽ tự động kiểm tra và xác định hồ sơ đủ điều kiện được xử lý tự động khi đáp ứng các điều kiện. Cụ thể:

Thứ nhất, tại thời điểm giải quyết hồ sơ hoàn thuế TNCN của người nộp thuế, tổ chức trả thu nhập đã hoàn thành nghĩa vụ nộp thay tiền thuế TNCN đã

khấu trừ hoặc tổng tiền thuế TNCN người nộp thuế là cá nhân đã nộp đủ vào NSNN tại kỳ quyết toán người nộp thuế có đề nghị hoàn thuế.

Thứ hai, hồ sơ hoàn thuế TNCN có chỉ tiêu “Tổng thu nhập chịu thuế” khớp đúng với số liệu tổng hợp trong kỳ quyết toán thuế theo cơ sở dữ liệu quản lý thuế của ngành Thuế tại thời điểm giải quyết hồ sơ và có chỉ tiêu “Tổng số thuế đề nghị hoàn trả” nhỏ hơn hoặc bằng số liệu tổng hợp trong kỳ quyết toán thuế theo cơ sở dữ liệu quản lý thuế của ngành Thuế tại thời điểm giải quyết hồ sơ.

Thứ ba, thông tin tài khoản nhận tiền hoàn trả của người nộp thuế được xác minh và liên kết với cơ sở dữ liệu quản lý thuế của ngành Thuế.

- Trường hợp hồ sơ hoàn thuế TNCN của người nộp thuế đáp ứng đủ các điều kiện, phân hệ hoàn thuế TNCN tự động tạo đề xuất hoàn thuế, lập Quyết định hoàn thuế (hoặc Quyết định hoàn kiêm bù trừ thu NSNN) và Lệnh hoàn trả khoản thu NSNN (hoặc Lệnh hoàn trả kiêm bù trừ khoản thu NSNN) để chuyển Thủ trưởng cơ quan thuế ký điện tử. Những công việc nêu trên do hệ thống ứng dụng CNTT của ngành Thuế tự động thực hiện kể từ khi gửi Thông báo về việc tiếp nhận hồ sơ đề nghị hoàn thuế cho NNT.

- Trường hợp xác định hồ sơ hoàn thuế không thuộc đối tượng và trường hợp được hoàn thuế, bộ phận giải quyết hồ sơ hoàn thuế dự thảo Thông báo về việc hồ sơ chưa đủ điều kiện hoàn thuế không được hoàn thuế (Mẫu số 04/TB-HT ban hành kèm theo Thông tư số 80/2021/TT-BTC) trên TMS, trình Thủ trưởng cơ quan thuế ký ban hành, gửi NNT.

#### **1.4. Đối với ủy quyền quyết toán thuế thu nhập cá nhân**

Cá nhân cư trú có thu nhập từ tiền lương, tiền công ủy quyền quyết toán thuế thu nhập cá nhân cho tổ chức, cá nhân trả thu nhập, cụ thể như sau:

- Cá nhân có thu nhập từ tiền lương, tiền công ký hợp đồng lao động từ 03 tháng trở lên tại một nơi và thực tế đang làm việc tại đó vào thời điểm tổ chức, cá nhân trả thu nhập thực hiện việc quyết toán thuế, kể cả trường hợp không làm việc đủ 12 tháng trong năm dương lịch. Trường hợp cá nhân là người lao động được điều chuyển từ tổ chức cũ đến tổ chức mới do tổ chức cũ thực hiện sáp nhập, hợp nhất, chia, tách, chuyển đổi loại hình doanh nghiệp hoặc tổ chức cũ và tổ chức mới trong cùng một hệ thống thì cá nhân được ủy quyền quyết toán thuế cho tổ chức mới.

- Cá nhân có thu nhập từ tiền lương, tiền công ký hợp đồng lao động từ 03 tháng trở lên tại một nơi và thực tế đang làm việc tại đó vào thời điểm tổ chức, cá nhân trả thu nhập quyết toán thuế, kể cả trường hợp không làm việc đủ 12 tháng trong năm dương lịch; đồng thời có thu nhập vãng lai ở các nơi khác bình quân tháng trong năm không quá 10 triệu đồng và đã được khấu trừ thuế TNCN theo tỷ lệ 10% nếu không có yêu cầu quyết toán thuế đối với phần thu nhập này.

- Cá nhân sau khi đã ủy quyền quyết toán thuế, tổ chức trả thu nhập đã thực hiện quyết toán thuế thay cho cá nhân, nếu phát hiện cá nhân thuộc diện trực tiếp quyết toán thuế với cơ quan thuế thì tổ chức trả thu nhập không điều chỉnh lại quyết toán thuế TNCN của tổ chức trả thu nhập, chỉ cấp chứng từ khấu trừ thuế cho cá nhân theo số quyết toán và ghi vào góc dưới bên trái của chứng từ khấu trừ thuế nội dung: “Công ty ... đã quyết toán thuế TNCN thay cho Ông/Bà .... (theo ủy quyền) tại dòng (số thứ tự) ... của Phụ lục Bảng kê 05-1/BK-TNCN” để cá nhân trực tiếp quyết toán thuế với cơ quan thuế. Trường hợp tổ chức, cá nhân trả thu nhập sử dụng chứng từ khấu trừ thuế TNCN điện tử thì in chuyển đổi từ chứng từ khấu trừ thuế TNCN điện tử gốc và ghi nội dung nêu trên vào bản in chuyển đổi để cung cấp cho người nộp thuế.

### **Lưu ý:**

- Các tổ chức chi trả thu nhập từ tiền lương, tiền công khi tổng hợp người phụ thuộc trên Phụ lục bảng kê số 05-3/BK-TNCN nên kiểm tra lại việc thực hiện đăng ký với cơ quan thuế theo quy định đối với người phụ thuộc mà người lao động đã ủy quyền đăng ký, kiểm tra số lượng người phụ thuộc, thời gian được giảm trừ.

- Cách thức quyết toán thuế: Đối với các tổ chức trả thu nhập thực hiện khai thuế điện tử thì gửi quyết toán thuế bằng hình thức khai thuế điện tử trên hệ thống dịch vụ thuế điện tử; sử dụng phần mềm hỗ trợ kê khai thuế HTKK và không phải gửi hồ sơ giấy tới cơ quan thuế.

Đối với cá nhân thực hiện lập tờ khai quyết toán thuế (mẫu 02/QTT-TNCN) trên hệ thống Dịch vụ thuế điện tử <http://thuedientu.gdt.gov.vn>, đồng thời ký và gửi bản giấy tới cơ quan thuế nơi nhận hồ sơ ở trên để quyết toán thuế và hoàn thuế (nếu có) theo quy định. Trường hợp cá nhân đã được cấp tài khoản giao dịch thuế điện tử thì không cần nộp hồ sơ quyết toán thuế bằng giấy cho cơ quan thuế.

## **2. Các trường hợp không phải quyết toán thuế**

### **2.1. Đối với cá nhân**

Cá nhân có thu nhập từ tiền lương tiền công trong các trường hợp sau đây không phải quyết toán thuế thu nhập cá nhân:

- Cá nhân có số thuế thu nhập cá nhân phải nộp thêm sau quyết toán của từng năm từ 50.000 đồng trở xuống. Cá nhân được miễn thuế trong trường hợp này tự xác định số tiền thuế được miễn, không bắt buộc phải nộp hồ sơ quyết toán thuế thu nhập cá nhân và không phải nộp hồ sơ miễn thuế;

- Cá nhân có số thuế thu nhập cá nhân phải nộp nhỏ hơn số thuế đã tạm nộp mà không có yêu cầu hoàn thuế hoặc bù trừ vào kỳ khai thuế tiếp theo;

- Cá nhân có thu nhập từ tiền lương, tiền công ký hợp đồng lao động từ 03 tháng trở lên tại một đơn vị, đồng thời có thu nhập vãng lai ở các nơi khác bình quân tháng trong năm không quá 10 triệu đồng và đã được khấu trừ thuế TNCN theo tỷ lệ 10% nếu không có yêu cầu thì không phải quyết toán thuế đối với phần thu nhập này;

- Cá nhân được người sử dụng lao động mua bảo hiểm nhân thọ (trừ bảo hiểm hưu trí tự nguyện), bảo hiểm không bắt buộc khác có tích lũy về phí bảo hiểm mà người sử dụng lao động hoặc doanh nghiệp bảo hiểm đã khấu trừ thuế TNCN theo tỷ lệ 10% trên khoản tiền phí bảo hiểm tương ứng với phần người sử dụng lao động mua hoặc đóng góp cho người lao động thì người lao động không phải quyết toán thuế TNCN đối với phần thu nhập này.

## **2.2. Đối với tổ chức, cá nhân trả thu nhập từ tiền lương, tiền công**

Tổ chức, cá nhân trả thu nhập từ tiền lương, tiền công không phải quyết toán thuế TNCN bao gồm: tổ chức, cá nhân trong năm không phát sinh trả thu nhập; tổ chức, cá nhân trả thu nhập tạm ngừng hoạt động, kinh doanh trọn năm dương lịch.

## **IV. Khai quyết toán Thuế Tài nguyên**

- Doanh nghiệp lập và gửi hồ sơ khai quyết toán thuế Tài nguyên năm 2024 chậm nhất là ngày cuối cùng của tháng thứ 3 kể từ ngày kết thúc năm.

- Tờ khai quyết toán thuế Tài nguyên theo mẫu số 02/TAIN ban hành kèm theo Thông tư số 80/2021/TT-BTC.

Cục Thuế thông báo để người nộp thuế biết thực hiện. Trong quá trình thực hiện nếu có phát sinh vướng mắc, đề nghị người nộp thuế liên hệ Phòng TTHT, số điện thoại 0272 3829146, 0272 3826389 để được hướng dẫn./.

### ***Nơi nhận:***

- Như trên;
- BLĐ Cục Thuế;
- Văn phòng, Các Phòng;
- CCT khu vực, huyện;
- Trang web Cục Thuế;
- Lưu: VT, TTHT, Di (2b).

**KT. CỤC TRƯỞNG**  
**PHÓ CỤC TRƯỞNG**

**Trần Thị Thu Vân**